

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 7 - 2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hòa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Quyết và ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2022/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lèo Thị Q; Nơi cư trú: bản L, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Bị đơn: anh Tòng Văn K; Nơi cư trú: bản L, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2022 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Lèo Thị Q trình bày: chị Q và anh K, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, anh chị đã có một người con chung là cháu Tòng Đức C, sinh ngày 14/9/2013 và có nhận nuôi con nuôi theo phong tục tập quán đối với cháu Tòng Thị Diễm H, sinh ngày 19/9/2012; đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K không tu chí làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, từ đó sống ly thân, nay tình cảm không còn chị Q xin được ly hôn, phân chia trách nhiệm nuôi con chung là cháu C, còn cháu H, kể từ khi vợ chồng mâu thuẫn bố mẹ đẻ cháu H đã đón về và không nhận con nuôi nữa nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung chị Q và anh K không yêu cầu giải quyết; anh chị không vay nợ ai.

Toà án nhân dân huyện M đã giao thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ thông qua người thân và chính quyền địa phương nhưng không có kết quả nên tiến hành

niêm yết công khai các văn bản tố tụng để anh K thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng anh K không hợp tác cố tình vắng mặt.

Ngày 28/6/2022, Tòa án lập biên bản xác minh với đại diện Ủy ban nhân dân xã N xác định: anh K và chị Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và đăng ký thường trú tại bản L, xã N, huyện M; cuộc sống chung vợ chồng không hoà thuận, nguyên nhân do anh K không chịu khó làm ăn, chăm sóc gia đình,... chính quyền đã hoà giải nhưng không thành.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 10/6/2022 cháu Tòng Đức C có nguyện vọng xin ở với chị Lèo Thị Q.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/6/2022 chị Lèo Thị Q giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tuy nhiên, anh K không có mặt nên chị Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản không hoà giải được.

Ngày 11/7/2022 anh Tòng Văn K có đơn đề nghị trình bày lý do vắng mặt, ý kiến về quan hệ hôn nhân là nhất trí ly hôn, mong muốn được trực tiếp nuôi con chung nhưng do cháu C đang ở với mẹ nên tạm thời giao cho chị Q nuôi, vợ chồng không vay nợ ai, đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến tranh luận tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lèo Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Tòng Văn K và phân chia trách nhiệm nuôi con chung, theo nguyện vọng chị Q xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung; chị Q xin tự chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Tòng Văn K đề nghị xét xử vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận đối đáp.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn xin vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên chấp nhận cho chị Lèo Thị Q ly hôn với anh Tòng Văn K; giao cháu Tòng Đức Cương cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; buộc chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn chị Lèo Thị Q khởi kiện đối với

bị đơn anh Tòng Văn K có nơi cư trú bản L, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Tòng Văn K đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lèo Thị Q và anh Tòng Văn K, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N là sự thật và quan hệ hôn nhân được xác lập hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Q thấy: cuộc sống chung giữa chị Q và anh K có mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh K không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay nên xác định lời khai trình bày về nguyên nhân, lý do mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của chị Q là sự thật, có căn cứ phù hợp với nội dung sự việc ghi trong biên bản xác minh, biên bản hòa giải ở cơ sở được chính quyền địa phương xác nhận về nguyên nhân mâu thuẫn, tranh chấp và ý kiến của anh K. Tại đơn đề nghị ngày 11/7/2022 anh K có ý kiến là nhất trí ly hôn nhưng lại vắng mặt tại phiên tòa nên không đủ cơ sở để công nhận thuận tình ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh K thực sự không còn, quyền bình đẳng trong gia đình bị hạn chế, tình nghĩa vợ chồng không bảo đảm, đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời cũng giải phóng cho anh chị để ổn định cuộc sống về sau cần chấp nhận yêu cầu giải quyết cho chị Lèo Thị Q được ly hôn anh Tòng Văn K; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lèo Thị Q xác định anh chị có một người con chung là cháu Tòng Đức Cường, sinh ngày 14/9/2013, hiện tại chị Q không có thai, chị Q có nguyện vọng được nuôi con chung, không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Tòng Đức Cường là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) trong khi quan hệ chung sống giữa chị Q và anh K không thể tồn tại nên cần xem xét phân chia trách nhiệm nuôi con chung. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu C thấy anh K và chị Q đều là lao động tự do thu nhập không ổn định, từ khi sống ly thân đến nay chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C và đang sống ổn định có điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, phù hợp với ý kiến của cháu C xin ở với chị Q. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Q và giao con chung là cháu Tòng Đức Cường cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Q là tự nguyện nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: chị Q và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết theo vụ án.

[6] Về vay nợ chung: chị Q và anh K xác định không vay nợ của ai.

[7] Về án phí: không có căn cứ xác định chị Lèo Thị Q được miễn, giảm án phí nên chị Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho Ly hôn giữa chị Lèo Thị Q và anh Tòng Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Đức C cho chị Lèo Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn.

4. Về án phí: chị Lèo Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0000141 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

Đương sự chị Lèo Thị Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 15/7/2022; anh Tòng Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận, niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND nơi đăng ký kết hôn, cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hòa

